

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



**Shape the future
with confidence**

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 39

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ("BGTVT") ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Doanh nghiệp Nhà nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã VTX theo Quyết định số 189/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 11 tháng 4 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B, Đường Hoàng Diệu, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Doãn Kiên	Chủ tịch
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đăng Trường	Thành viên
Bà Đinh Thị Phương Vy	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc
Ông Dương Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

Người đại diện pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc: 





Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



Shape the future
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 12819110-68606198-LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty") được lập ngày 14 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 39, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 1073-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		69.593.819.117	69.882.157.635
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	20.606.835.412	12.158.294.343
111	1. Tiền		20.606.835.412	3.058.294.343
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	9.100.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		8.000.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	8.000.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		22.217.717.043	39.971.127.485
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	79.896.070.934	95.567.265.949
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.853.635.284	2.175.350.148
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	11.892.167.619	13.782.702.028
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8	(71.424.156.794)	(71.554.190.640)
140	IV. Hàng tồn kho	9	15.690.265.854	15.428.014.858
141	1. Hàng tồn kho		15.690.265.854	15.428.014.858
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.079.000.808	2.324.720.949
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	2.924.783.778	1.805.792.912
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	154.217.030	518.928.037
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		138.928.925.705	151.562.954.073
210	I. Phải thu dài hạn	8	2.286.853.489	2.403.708.036
216	1. Phải thu dài hạn khác		2.286.853.489	2.403.708.036
220	II. Tài sản cố định		110.795.146.971	120.745.909.888
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	95.873.399.771	45.233.799.439
222	Nguyên giá		564.026.656.736	486.091.252.705
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(468.153.256.965)	(440.857.453.266)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	11	14.060.776.307	74.445.133.924
225	Nguyên giá		16.685.454.545	94.544.645.726
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.624.678.238)	(20.099.511.802)
227	3. Tài sản cố định vô hình	12	860.970.893	1.066.976.525
228	Nguyên giá		3.766.607.975	3.766.607.975
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.905.637.082)	(2.699.631.450)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	13	9.201.808.247	9.201.808.247
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		9.201.808.247	9.201.808.247
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		816.000.000	816.000.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh	14	816.000.000	816.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		15.829.116.998	18.395.527.902
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	15.829.116.998	18.395.527.902
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		208.522.744.822	221.445.111.708

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		141.675.443.561	136.449.571.126
310	I. Nợ ngắn hạn		120.215.838.300	109.912.460.603
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	37.451.170.612	30.898.559.227
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	1.432.302.864	1.591.302.864
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	1.030.640.742	170.942.648
314	4. Phải trả người lao động	19	2.436.442.836	4.017.854.114
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	4.635.251.310	3.385.229.570
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		476.436.362	363.636.362
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	6.939.646.152	5.166.150.977
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	65.543.822.017	64.013.619.436
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		270.125.405	305.165.405
330	II. Nợ dài hạn		21.459.605.261	26.537.110.523
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	7.605.100.000	8.005.100.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	13.854.505.261	18.532.010.523
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		66.847.301.261	84.995.540.582
410	I. Vốn chủ sở hữu	22.1	66.847.301.261	84.995.540.582
411	1. Vốn cổ phần		209.723.210.000	209.723.210.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		209.723.210.000	209.723.210.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		15.257.068.213	15.257.068.213
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		5.352.597.635	5.352.597.635
421	4. Lỗ lũy kế		(163.485.574.587)	(145.337.335.266)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(145.337.335.266)	(40.653.468.568)
421b	- Lỗ kỳ này		(18.148.239.321)	(104.683.866.698)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		208.522.744.822	221.445.111.708

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



Phạm Thanh Huyền
Người lập



Nguyễn Bửu Thanh Loan
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
10	1. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	23.1	67.730.169.272	57.896.416.156
11	2. Giá vốn dịch vụ cung cấp	24	(70.190.086.981)	(73.423.876.612)
20	3. Lỗ gộp về cung cấp dịch vụ		(2.459.917.709)	(15.527.460.456)
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	600.927.693	937.064.575
22 23	5. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(2.727.723.734) (2.727.723.734)	(2.291.874.664) (2.291.874.664)
25	6. Chi phí bán hàng	26	(2.376.062.165)	(2.201.976.321)
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(11.918.872.664)	(15.550.666.246)
30	8. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(18.881.648.579)	(34.634.913.112)
31	9. Thu nhập khác	29	733.411.069	167.601.976
32	10. Chi phí khác	29	(1.811)	(3.020.498.358)
40	11. Lợi nhuận (lỗ) khác	29	733.409.258	(2.852.896.382)
50	12. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(18.148.239.321)	(37.487.809.494)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	-	(1.263.000.000)
60	14. Lỗ sau thuế TNDN		(18.148.239.321)	(38.750.809.494)
70	15. Lỗ cơ bản trên cổ phiếu	32	(865)	(1.848)
71	16. Lỗ lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	(865)	(1.848)

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



Phạm Thanh Huyền
Người lập



Nguyễn Bửu Thanh Loan
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(18.148.239.321)	(37.487.809.494)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10,11,12	10.026.975.767	10.500.205.362
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(130.033.846)	2.249.058.399
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(473.761.461)	(818.273.193)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(123.423.239)	(107.235.180)
06	Chi phí lãi vay	25	2.727.723.734	2.291.874.664
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(6.120.758.366)	(23.372.179.442)
09	Giảm các khoản phải thu		18.824.551.175	25.544.863.910
10	Tăng hàng tồn kho		(262.250.996)	(5.789.861.317)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		7.351.680.564	(3.869.234.214)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.447.420.038	(6.213.596.028)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.679.576.883)	(1.345.938.059)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(21.861.092.387)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(35.040.000)	(26.200.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		19.526.025.532	(36.933.237.537)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(76.212.850)	(32.585.545)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	17.130.400.000
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(8.000.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		145.888.984	115.378.131
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư		(7.930.323.866)	17.213.192.586

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	21.188.811.493	45.261.636.019
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(17.381.074.174)	(22.599.534.110)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	21	(6.955.040.000)	(5.119.640.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(3.147.302.681)	17.542.461.909
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		8.448.398.985	(2.177.583.042)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		12.158.294.343	11.949.613.048
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		142.084	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	20.606.835.412	9.772.030.006

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



Phạm Thanh Huyền
Người lập



Nguyễn Bửu Thanh Loan
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Vietranstimex ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức, tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 1313/QĐ-TC do Bộ Giao thông Vận tải ("BGTVT") ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1976. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh Doanh nghiệp Nhà Nước đầu tiên của Công ty số 3206000035 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 5 tháng 5 năm 2004.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2010, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1454/QĐ-BGTVT do BGTVT ban hành. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng thông qua bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0400101901 vào ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("SGDCK HN") với mã VTX theo Quyết định số 189/QĐ-SGDHN do SGDCK HN cấp ngày 11 tháng 4 năm 2014.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải đa phương thức trong nước; dịch vụ vận tải hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy; cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B, Đường Hoàng Diệu, Phường Xóm Chiếu, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các Chi nhánh tại Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng và Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 134 (31 tháng 12 năm 2024: 128).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 *Giả định hoạt động liên tục*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Công ty đã phát sinh lỗ thuần cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 với số tiền là 18.148.239.321 VND và tại ngày này, lỗ lũy kế của Công ty là 163.485.574.587 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, nợ ngắn hạn của Công ty cũng đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 50.622.019.183 VND. Do đó, khả năng Công ty tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh phụ thuộc vào khả năng hoạt động kinh doanh có lợi nhuận trong tương lai và tiếp tục nhận được sự hỗ trợ tài chính từ công ty mẹ.

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam, công ty mẹ của công ty, đã cam kết có đủ khả năng và sẽ tiếp tục hỗ trợ về mặt tài chính để Công ty có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong năm tài chính tiếp theo. Thêm vào đó, Ban Tổng Giám đốc đã lập kế hoạch kinh doanh trong năm với dòng tiền chính được tạo ra từ hoạt động kinh doanh và các bên liên quan của Công ty cũng cam kết sẽ không yêu cầu Công ty thanh toán cho các khoản nợ đối với các bên liên quan này cho đến khi Công ty đã trả hết các khoản nợ cho các bên khác. Dựa trên cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho rằng việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Do đó, báo cáo tài chính giữa niên độ chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện đối với tài sản và nợ phải trả của Công ty trong trường hợp Công ty không có khả năng tiếp tục hoạt động trong tương lai.

2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| Nguyên liệu, nhiên liệu và công cụ dụng cụ | - Chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước. |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Chi phí dịch vụ mua ngoài và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất áp dụng trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	4 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng, lắp đặt và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được ghi nhận như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước dài hạn

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty TNHH MTV Đầu tư, Xây dựng và Kinh doanh Dịch vụ Quảng Ngãi vào ngày 6 tháng 4 năm 2010 trong thời hạn 45 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"), khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.15 *Lỗ trên cổ phiếu*

Lỗ cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lỗ suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải và hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là cung cấp các dịch vụ vận tải và khu vực địa lý là Việt Nam. Theo đó, Công ty không phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ các khoản mục này trong báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Tiền mặt	-	9.474.473
Tiền gửi ngân hàng	20.606.835.412	3.048.819.870
Các khoản tương đương tiền	-	9.100.000.000
TỔNG CỘNG	20.606.835.412	12.158.294.343

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với kỳ hạn gốc ít hơn ba (3) tháng và hưởng lãi suất 2,7% - 2,8%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi bằng Việt Nam đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam với kỳ hạn gốc sáu (6) tháng và hưởng lãi suất 2,8%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu cho bên khác	79.460.735.934	95.486.365.949
<i>Công ty Cổ phần Beton 6</i>	8.195.337.277	8.195.337.277
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật</i>		
<i>Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng dịch vụ Dầu Khí</i>	-	13.001.779.517
<i>Khác</i>	71.265.398.657	74.289.249.155
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	435.335.000	80.900.000
TỔNG CỘNG	79.896.070.934	95.567.265.949
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(62.090.288.021)	(62.266.855.267)
GIÁ TRỊ THUẦN	17.805.782.913	33.300.410.682

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	62.266.855.267	38.090.874.785
Dự phòng trích lập trong kỳ	1.123.432.754	3.400.766.569
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.300.000.000)	(1.267.000.000)
Số cuối kỳ	<u>62.090.288.021</u>	<u>40.224.641.354</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Trả trước cho các bên khác	1.853.635.284	2.175.350.148
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(1.055.198.483)	(1.015.198.483)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>798.436.801</u>	<u>1.160.151.665</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	1.015.198.483	924.051.183
Dự phòng trích lập trong kỳ	40.000.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(8.852.700)
Số cuối kỳ	<u>1.055.198.483</u>	<u>915.198.483</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	11.892.167.619	13.782.702.028
Ký quỹ, ký cược	3.592.265.284	5.878.650.784
Chi hộ khách hàng	5.934.949.543	5.715.072.663
Tạm ứng nhân viên	1.977.238.222	1.778.798.266
Thuế GTGT thuế tài chính chưa xuất hóa đơn	333.709.091	333.709.091
Khác	54.005.479	76.471.224
Dài hạn	2.286.853.489	2.403.708.036
Ký quỹ, ký cược	1.285.726.218	1.235.726.218
Thuế GTGT thuế tài chính chưa xuất hóa đơn	1.001.127.271	1.167.981.818
TỔNG CỘNG	14.179.021.108	16.186.410.064
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(8.278.670.290)	(8.272.136.890)
GIÁ TRỊ THUẦN	5.900.350.818	7.914.273.174
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)	602.623.449	560.148.101
Bên khác	13.576.397.659	15.626.261.963

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu khác ngắn hạn như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Số đầu kỳ	8.272.136.890	5.133.285.854
Dự phòng trích lập trong kỳ	6.533.400	124.144.530
Số cuối kỳ	8.278.670.290	5.257.430.384

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Nhiên liệu, vật liệu	14.581.782.810	14.055.302.413
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	977.919.044	1.242.148.445
Công cụ, dụng cụ	130.564.000	130.564.000
TỔNG CỘNG	15.690.265.854	15.428.014.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	19.102.779.946	49.059.975.357	417.189.817.402	738.680.000	486.091.252.705
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	77.935.404.031	-	-	77.935.404.031
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	19.102.779.946	126.995.379.388	417.189.817.402	738.680.000	564.026.656.736
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	12.595.495.413	32.782.170.851	337.135.558.710	738.680.000	383.251.904.974
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(17.688.437.109)	(41.307.749.468)	(381.122.586.689)	(738.680.000)	(440.857.453.266)
Khấu hao trong kỳ	(260.315.580)	(1.973.508.750)	(4.746.497.824)	-	(6.980.322.154)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	(20.315.481.545)	-	-	(20.315.481.545)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(17.948.752.689)	(63.596.739.763)	(385.869.084.513)	(738.680.000)	(468.153.256.965)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.414.342.837	7.752.225.889	36.067.230.713	-	45.233.799.439
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.154.027.257	63.398.639.625	31.320.732.889	-	95.873.399.771
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 21)</i>	-	3.896.423.556	16.062.279.057	-	19.958.702.613

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

			VND
	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	77.859.191.181	16.685.454.545	94.544.645.726
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(77.859.191.181)	-	(77.859.191.181)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	16.685.454.545	16.685.454.545
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(18.599.695.666)	(1.499.816.136)	(20.099.511.802)
Khấu hao trong kỳ	(1.715.785.879)	(1.124.862.102)	(2.840.647.981)
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	20.315.481.545	-	20.315.481.545
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	(2.624.678.238)	(2.624.678.238)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	59.259.495.515	15.185.638.409	74.445.133.924
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	14.060.776.307	14.060.776.307

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND
	Phần mềm máy tính
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	3.766.607.975
<i>Trong đó:</i> <i>Đã hao mòn hết</i>	1.706.551.725
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(2.699.631.450)
Hao mòn trong kỳ	(206.005.632)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(2.905.637.082)
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.066.976.525
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	860.970.893

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí cải tạo, nâng cấp kho bãi	<u>9.201.808.247</u>	<u>9.201.808.247</u>

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư vào công ty liên doanh

Tên công ty liên doanh	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	
		Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc	Tỷ lệ sở hữu	Giá gốc
		%	VND	%	VND
Công ty TNHH Liên doanh BNX- Vietranstimex (i)	Vận tải	51	<u>816.000.000</u>	51	<u>816.000.000</u>

(i) Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex ("BNX-Vietranstimex") đã ngừng hoạt động theo biên bản thỏa thuận số VTT-BNX/2011-001 ngày 4 tháng 4 năm 2011. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, BNX-Vietranstimex đang tiến hành các thủ tục nhằm giải thể.

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	2.924.783.778	1.805.792.912
Chi phí thuê đất	774.593.703	-
Chi phí sửa chữa	641.939.980	496.439.979
Chi phí bảo hiểm	578.011.776	31.959.702
Chi phí công cụ, dụng cụ	289.251.325	577.482.101
Chi phí khác	640.986.994	699.911.130
Dài hạn	15.829.116.998	18.395.527.902
Chi phí trả trước thuê tài sản tài chính	9.805.334.812	10.596.261.596
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.253.052.593	2.614.806.154
Chi phí thuê đất	2.047.146.775	2.081.844.181
Chi phí cải tạo văn phòng và sửa chữa	1.704.296.768	3.071.990.347
Chi phí khác	19.286.050	30.625.624
TỔNG CỘNG	<u>18.753.900.776</u>	<u>20.201.320.814</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả cho bên khác	24.767.364.230	22.282.613.729
<i>Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải</i>		
<i>Thành Nhân</i>	9.165.744.000	260.587.541
<i>Công ty Cổ phần Công Trình Quốc Tế Taupo</i>	5.452.800.000	5.452.800.000
<i>Khác</i>	10.148.820.230	16.569.226.188
Bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	12.683.806.382	8.615.945.498
TỔNG CỘNG	<u>37.451.170.612</u>	<u>30.898.559.227</u>

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghiệp Hóa Chất	920.502.500	920.502.500
Khác	511.800.364	670.800.364
TỔNG CỘNG	<u>1.432.302.864</u>	<u>1.591.302.864</u>

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	<u>518.928.037</u>	<u>4.070.259.727</u>	<u>(4.434.970.734)</u>	<u>154.217.030</u>
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	144.744.432	5.119.687.079	(5.018.878.631)	245.552.880
Thuế thu nhập cá nhân	26.198.216	600.286.224	(599.150.958)	27.333.482
Thuế khác	-	1.581.146.349	(823.391.969)	757.754.380
TỔNG CỘNG	<u>170.942.648</u>	<u>7.301.119.652</u>	<u>(6.441.421.558)</u>	<u>1.030.640.742</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Chi phí thuê phụ	3.440.447.159	3.063.274.655
Chi phí thưởng nhân viên	967.670.046	-
Khác	227.134.105	321.954.915
TỔNG CỘNG	4.635.251.310	3.385.229.570
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	421.028.284	-
<i>Phải trả bên khác</i>	4.214.223.026	3.385.229.570

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngắn hạn	6.939.646.152	5.166.150.977
Chi phí lãi vay	3.242.042.191	2.134.718.904
Nhận ký cược, ký quỹ	840.000.000	940.000.000
Cổ tức phải trả	573.468.776	573.468.776
Khác	2.284.135.185	1.517.963.297
Dài hạn		
Nhận ký cược, ký quỹ	7.605.100.000	8.005.100.000
TỔNG CỘNG	14.544.746.152	13.171.250.977
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	11.663.142.191	10.577.702.535
<i>Phải trả bên khác</i>	2.881.603.961	2.593.548.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Phân loại	VND Ngày 30 tháng 6 năm 2025
Ngắn hạn	64.013.619.436	21.188.811.493	(24.336.114.174)	4.677.505.262	65.543.822.017
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21.1)	35.000.000.000	-	-	-	35.000.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	13.138.968.912	21.188.811.493	(13.138.968.912)	-	21.188.811.493
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	5.684.210.524	-	(2.842.105.262)	2.842.105.262	5.684.210.524
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.4)	8.790.440.000	-	(6.955.040.000)	1.835.400.000	3.670.800.000
Vay cá nhân	1.400.000.000	-	(1.400.000.000)	-	-
Dài hạn	18.532.010.523	-	-	(4.677.505.262)	13.854.505.261
Nợ thuê tài chính dài hạn (Thuyết minh số 21.4)	12.847.800.000	-	-	(1.835.400.000)	11.012.400.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.3)	5.684.210.523	-	-	(2.842.105.262)	2.842.105.261
TỔNG CỘNG	82.545.629.959	21.188.811.493	(24.336.114.174)	-	79.398.327.278

21.1 Vay bên liên quan

Đây là khoản vay để bổ sung nguồn vốn lưu động từ các công ty trong cùng tập đoàn của Công ty (Thuyết minh số 31), chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2025 VND	Kỳ hạn trả gốc và trả lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Tổng công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	25.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,38	Tín chấp
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	10.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	6,38	Tín chấp
TỔNG CỘNG	35.000.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Vay ngân hàng ngắn hạn

Đây là khoản vay ngân hàng để bổ sung nguồn vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Kỳ hạn trả gốc và trả lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Sài Gòn	<u>21.188.811.493</u>	Từ ngày 9 tháng 7 năm 2025 đến ngày 10 tháng 12 năm 2025	6	Tiền gửi tiết kiệm của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam, công ty mẹ, với giá trị 10.000.000.000 VND (Thuyết minh số 31)

21.3 Vay ngân hàng dài hạn

Đây là khoản vay ngân hàng để bổ sung nguồn vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Kỳ hạn trả gốc và trả lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	VND			
Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	<u>8.526.315.785</u>	Từ ngày 28 tháng 9 năm 2025 đến ngày 28 tháng 12 năm 2026	6,36 – 6,43	Phương tiện vận tải và máy móc thiết bị (Thuyết minh số 10)

Chứng thư bảo lãnh của Công ty Cổ phần
Kho Vận Miền Nam, công ty mẹ, với hạn mức
27.000.000.000 VND (Thuyết minh số 31)

Trong đó:

Dài hạn đến hạn trả	5.684.210.524
Dài hạn	2.842.105.261

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.4 Nợ thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê máy móc và thiết bị theo hợp đồng thuê tài chính ký với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày như sau:

VND						
Ngày 30 tháng 6 năm 2025			Ngày 31 tháng 12 năm 2024			
Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc	
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả						
Đến 1 năm	4.748.966.759	1.078.166.759	3.670.800.000	10.302.657.321	1.512.217.321	8.790.440.000
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Trên 1 đến 5 năm	12.331.836.375	1.319.436.375	11.012.400.000	14.974.565.979	2.126.765.979	12.847.800.000
TỔNG CỘNG	17.080.803.134	2.397.603.134	14.683.200.000	25.277.223.300	3.638.983.300	21.638.240.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	(40.653.468.568)	189.679.407.280
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(38.750.809.494)	(38.750.809.494)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	<u>209.723.210.000</u>	<u>15.257.068.213</u>	<u>5.352.597.635</u>	<u>(79.404.278.062)</u>	<u>150.928.597.786</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	209.723.210.000	15.257.068.213	5.352.597.635	(145.337.335.266)	84.995.540.582
Lỗi thuần trong kỳ	-	-	-	(18.148.239.321)	(18.148.239.321)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	<u>209.723.210.000</u>	<u>15.257.068.213</u>	<u>5.352.597.635</u>	<u>(163.485.574.587)</u>	<u>66.847.301.261</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	20.972.321	20.972.321
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	20.972.321	20.972.321

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	60.181.894.222	49.310.413.986
Doanh thu cho thuê	7.548.275.050	8.586.002.170
TỔNG CỘNG	67.730.169.272	57.896.416.156

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi chênh lệch tỷ giá	477.504.454	829.829.395
Lãi tiền gửi	123.423.239	107.235.180
TỔNG CỘNG	600.927.693	937.064.575

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Giá vốn của dịch vụ vận tải	67.045.208.788	68.531.710.805
Giá vốn cho thuê	3.144.878.193	4.892.165.807
TỔNG CỘNG	70.190.086.981	73.423.876.612

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lãi tiền vay	2.727.723.734	2.291.874.664

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí nhân viên	2.376.062.165	2.201.976.321

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí nhân viên	8.276.954.225	8.643.936.593
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.350.455.320	4.037.446.054
Chi phí khấu hao và hao mòn	206.005.632	219.257.810
(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng phải thu khó đòi	(130.033.846)	2.249.058.399
Khác	215.491.333	400.967.390
TỔNG CỘNG	11.918.872.664	15.550.666.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Chi phí dịch vụ mua ngoài và thầu phụ	50.963.027.817	51.253.607.523
Chi phí nhân viên	19.128.884.744	19.376.084.960
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10, 11 và 12)	10.026.975.767	10.500.205.362
Chi phí nhiên liệu, vật liệu (Hoàn nhập dự phòng) chi phí dự phòng	4.121.081.978 (130.033.846)	7.642.340.481 2.249.058.399
Chi phí khác	110.855.949	155.222.454
TỔNG CỘNG	84.220.792.409	91.176.519.179

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thu nhập khác	733.411.069	167.601.976
Thu nhập khác	733.411.069	167.601.976
Chi phí khác	1.811	3.020.498.358
Chi phí nộp phạt	-	3.020.259.931
Chi phí khác	1.811	238.427
LỢI NHUẬN (LỖ) KHÁC THUẦN	733.409.258	(2.852.896.382)

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% thu nhập tính thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Thuế TNDN trích bổ sung cho những năm trước	-	1.263.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(18.148.239.321)	(37.487.809.494)
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	(3.629.647.864)	(7.497.561.899)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	14.747.164	977.826.452
Chênh lệch tỷ giá đánh giá ngoại tệ	(96.429.832)	(164.120.262)
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	520.860.099	436.927.897
Thuế TNDN trích bổ sung cho những năm trước	-	1.263.000.000
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế TNDN hoãn lại	3.190.470.433	6.246.927.812
Chi phí thuế TNDN	-	1.263.000.000

30.2 Lỗ thuế

Lỗ thuế của Công ty trong kỳ khác với lỗ kế toán được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì lỗ này không bao gồm các khoản thu nhập hoặc chi phí chịu thuế hoặc được trừ trong các kỳ khác và hơn nữa không bao gồm các khoản không chịu thuế hoặc không được trừ.

30.3 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có khoản lỗ thuế lũy kế với tổng giá trị là 161.515.062.283 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 145.562.710.114 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND					
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2025	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025
2023	2028	82.605.756.530	-	-	82.605.756.530
2024	2029	62.956.953.584	-	-	62.956.953.584
2025	2030	15.952.352.169	-	-	15.952.352.169
TỔNG CỘNG		161.515.062.283	-	-	161.515.062.283

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty cho các năm tài chính chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.4 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau :

VND

Năm phát sinh	Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm	Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh (*)	Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/06/2025	Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/06/2025	Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/06/2025
2022	2027	2.209.410.123	-	-	2.209.410.123
2023	2028	5.194.801.337	-	-	5.194.801.337
2024	2029	4.975.864.980	-	-	4.975.864.980
2025	2030	2.604.300.495	-	-	2.604.300.495
TỔNG CỘNG		14.984.376.935	-	-	14.984.376.935

(*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

30.5 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

VND

Số tiền

Lỗ thuế chuyển sang năm sau (Thuyết minh số 30.3)	161.515.062.283
Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định (Thuyết minh số 30.4)	14.984.376.935
TỔNG CỘNG	176.499.439.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Công ty mẹ cao nhất
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Công ty mẹ
Tổng công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty CP Cảng Miền Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp Vận Số 1	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ITL Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH BDP Quốc Tế (Việt Nam)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH North Star Logistic	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Air Cargo Logistics Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Sowatco Tri Phương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa	Công ty trong cùng Tập đoàn
Phương tiện Thủy Cần Thơ	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí	Công ty trong cùng Tập đoàn
Đường Thủy Miền Nam	
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường Thủy	Công ty trong cùng Tập đoàn
Miền Nam	
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Logistics Techhub	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Viet Air Consol	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH ITL Bình Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Á Châu	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ITL Aviation Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Speedlink	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một Thành Viên ITL Logisitcs Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH ITL Global	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dash Logistics	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH ITL VSIP	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Giao nhận Viet Trans Link	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Intergrated Logistics Vela	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Đông Dương	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Đại lý Toàn Cầu	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Logistics MLC ITL	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH SEKO Logistics (Việt Nam)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ITL Freight Management	Công ty trong cùng Tập đoàn
PSA Cargo Solutions Vietnam Investment Pte. Ltd	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc Tế SP-PSA	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Logistics Mekong – Cần Thơ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Mekong - Cần Thơ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần GogoX	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hàng Không Bắc Nam (NAS)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bắc Kỳ	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Golden North Star Investment	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Thương Mại Dịch vụ Kỹ Thuật	Công ty trong cùng Tập đoàn
Techcom	
Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ An Huy	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH CEVA Logistcis (Việt Nam)	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Trans Pacific Việt Nam	Công ty trong cùng Tập đoàn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Ông Đặng Doãn Kiên	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Trần Thị Cẩm Tú	Thư ký Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Mai Khánh Trình	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Đinh Thị Phương Vy	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đăng Trường	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Dương Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan:

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày báo cáo giữa niên độ không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

		VND	
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024</i>
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (*)	Chi hộ	139.045.454	158.240.258
	Phí thuê văn phòng	90.709.935	587.456.880
	Sử dụng dịch vụ	82.754.593	24.127.158
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	1.114.050.000	419.500.000
	Sử dụng dịch vụ	1.037.505.419	1.146.707.652
	Chi phí lãi vay	316.378.084	239.992.878
	Cho thuê kho	47.250.000	47.250.000
	Đi vay	-	8.500.000.000
	Trả gốc vay	-	3.500.000.000
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Chi phí lãi vay	790.945.203	751.616.437
	Sử dụng dịch vụ	73.713.178	6.675.925
	Đi vay	-	25.000.000.000
	Thuê bãi	-	150.000.000

(*) Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam, Công ty mẹ, đã phát hành một (1) chứng thư bảo lãnh ngân hàng với hạn mức là 27.000.000.000 VND và phát hành (1) chứng thư bảo lãnh ngân hàng tiền gửi tiết kiệm với giá trị là 10.000.000.000 VND như các tài sản thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 21.2 và 21.3).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Công ty Cổ Phần Cảng Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	1.385.141.420	1.662.169.704
Công ty Cổ phần ITL Logistics	Sử dụng dịch vụ	720.000.000	437.278.593
	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	-	25.151.342
Công ty Cổ phần ITL Freight Management	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	186.262.963	-
Ông Dương Việt Cường	Tạm ứng	140.000.000	-
	Chi phí công tác	94.735.529	-

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)			
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	407.295.000	28.620.000
Công ty Cổ phần ITL Freight Management	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	28.040.000	52.280.000
		435.335.000	80.900.000
Phải thu khác (Thuyết minh số 8)			
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Đặt cọc	277.028.284	277.028.284
Ông Dương Việt Cường	Tạm ứng	153.039.011	106.230.087
Công ty Cổ phần ITL Logistics	Đặt cọc	144.000.000	144.000.000
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Cung cấp dịch vụ	28.556.154	22.978.930
Công ty Cổ phần ITL Freight Management	Cung cấp dịch vụ	-	5.910.800
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Cung cấp dịch vụ	-	4.000.000
		602.623.449	560.148.101

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

		VND	
Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 16)			
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Thuê xe	5.983.810.940	4.487.858.205
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Sử dụng dịch vụ	5.115.135.283	2.648.311.044
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Thuê văn phòng	875.626.268	731.917.154
Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	398.193.891	385.000.000
Công ty Cổ phần ITL Logistics	Sử dụng dịch vụ	311.040.000	311.040.000
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Sử dụng dịch vụ	-	51.819.095
		12.683.806.382	8.615.945.498
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 19)			
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Sử dụng dịch vụ	277.028.284	-
Công ty Cổ phần ITL Logistics	Sử dụng dịch vụ	144.000.000	-
		421.028.284	-
Phải trả khác (Thuyết minh số 20)			
Công ty Cổ phần ITL Logistics	Nhận đặt cọc	7.605.100.000	7.605.100.000
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Chi phí lãi vay	2.346.616.432	1.555.671.229
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Chi phí lãi vay	895.425.759	579.047.675
Công ty TNHH Liên doanh BNX-Vietranstimex	Phải trả khác	816.000.000	816.000.000
Ông Dương Việt Cường	Phải trả khác	-	20.865.600
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trần	Chi trả hộ	-	1.018.031
		11.663.142.191	10.577.702.535
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 21)			
Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam	Vay	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH MTV Sotrans Logistics	Vay	10.000.000.000	10.000.000.000
		35.000.000.000	35.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc:

		VND	
Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Hội đồng Quản trị			
Ông Đặng Doãn Kiên	Chủ tịch HĐQT	-	30.000.000
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	-	45.000.000
Bà Trần Thị Cẩm Tú	Thư ký HĐQT	30.000.000	30.000.000
Ông Bùi Quang Liên	Thành viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 6 năm 2024)	-	30.000.000
Ban kiểm soát			
Ông Nguyễn Mai Khánh Trinh	Trưởng BKS	-	24.000.000
Ông Nguyễn Đăng Trường	Thành viên	-	24.000.000
Bà Đinh Thị Phương Vy	Thành viên	-	15.000.000
Tổng Giám đốc			
Ông Dương Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	460.840.000	461.440.001
Ông Bùi Quang Liên	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 1 tháng 5 năm 2024)	-	450.790.435
TỔNG CỘNG		490.840.000	1.110.230.436

32. LỖ TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lỗ cơ bản và lỗ suy giảm trên cổ phiếu:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
Lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(18.148.239.321)	(38.750.809.494)
Lỗ thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(18.148.239.321)	(38.750.809.494)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	20.972.321	20.972.321
Lỗ cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(865)	(1.848)
Lỗ suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(865)	(1.848)
Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty là bên đi thuê

Công ty hiện đang thuê văn phòng, phương tiện vận tải và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đến 1 năm	1.348.341.607	888.962.428
Từ 2 đến 5 năm	2.248.228.000	2.248.228.000
Trên 5 năm	5.563.750.030	6.124.271.355
TỔNG CỘNG	9.160.319.637	9.261.461.783

Công ty là bên cho thuê

Công ty hiện đang cho thuê máy móc thiết bị và phương tiện vận tải theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Đến 1 năm	1.814.545.455	2.541.818.181
Từ 2 đến 5 năm	-	363.636.364
TỔNG CỘNG	1.814.545.455	2.905.454.545

34. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
Ngoại tệ:		
- USD	4.266,45	-

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2025



Phạm Thanh Huyền
Người lập



Nguyễn Bửu Thanh Loan
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc